

TỔNG CỤC BƯU ĐIỆN
Số: 05/1999/TT-TCBĐ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 6 tháng 10 năm 1999

THÔNG TƯ

Hướng dẫn thi hành Nghị định số 109/1997/NĐ-CP

ngày 12/11/1997 của Chính phủ về bưu chính viễn thông đối với công tác quản lý

và cấp phép sử dụng tần số, thiết bị phát sóng vô tuyến điện

Ngày 12/11/1997, Chính phủ ban hành Nghị định số 109/1997/NĐ-CP về Bưu chính và Viễn thông. Tổng cục Bưu điện hướng dẫn việc thực hiện các quy định về quản lý và cấp phép sử dụng tần số, thiết bị phát sóng vô tuyến điện như sau:

I. QUY ĐỊNH CHUNG

1.1- Tổng cục Bưu điện thống nhất quản lý Nhà nước đối với phổ tần số, thiết bị phát sóng vô tuyến điện và quỹ đạo vệ tinh thuộc chủ quyền Việt Nam. Thông tư này hướng dẫn các thủ tục về cấp giấy phép sử dụng tần số, thiết bị phát sóng vô tuyến điện và đăng ký quỹ đạo vệ tinh.

1.2- Các tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài tại Việt Nam (trừ Bộ Quốc phòng, Bộ Công an có quy định riêng) muốn lắp đặt, sử dụng, dự trữ thiết bị phát sóng vô tuyến điện trên lãnh thổ Việt nam và sử dụng tần số vô tuyến điện thuộc các nghiệp vụ: cố định, lưu động, phát thanh, truyền hình, hàng hải, hàng không, đạo hàng, định vị, vệ tinh, phát chuẩn và các nghiệp vụ khác phải xin phép Tổng cục Bưu điện và chỉ được lắp đặt, sử dụng, dự trữ khi có giấy phép; khi thay đổi các nội dung được quy định trong giấy phép phải được phép của Tổng cục Bưu điện; phải tuân thủ các quy định được nêu trong Thông tư này.

1.3- Một số thuật ngữ sử dụng trong Thông tư này được hiểu như sau:

1.3.1/ Vô tuyến điện là một thuật ngữ chung áp dụng khi sử dụng sóng vô tuyến điện.

1.3.2/ Sóng vô tuyến điện là các sóng điện từ có tần số thấp hơn 3000GHz truyền lan trong không gian không có dẫn sóng nhân tạo.

1.3.3/ ấn định tần số: Là việc cơ quan quản lý Nhà nước cho phép một đài vô tuyến điện được quyền sử dụng một tần số hay một kênh tần số vô tuyến điện theo những điều kiện cụ thể.

1.3.4/ Nhiễu có hại: Là nhiễu làm nguy hại đến các hoạt động của các nghiệp vụ thông tin vô tuyến điện hợp pháp hoặc cản trở, làm gián đoạn một nghiệp vụ thông tin vô tuyến điện đang được phép khai thác.

1.3.5/ Thiết bị phát sóng vô tuyến điện: Là thiết bị phát, thu - phát sóng vô tuyến điện hoặc thiết bị có phát xạ sóng vô tuyến điện (sau đây gọi chung là thiết bị phát sóng vô tuyến điện) dùng cho các nghiệp vụ thông tin vô tuyến điện cố định, lưu động, hàng hải, hàng không, phát thanh-truyền hình, đạo hàng, định vị, vệ tinh, phát chuẩn (tín hiệu giờ, tần số chuẩn); các thiết bị dùng trong khoa học, công nghiệp, y tế có phát xạ vô tuyến điện và các nghiệp vụ khác.

1.3.6/ Nghiệp vụ thông tin vô tuyến điện: Là nghiệp vụ bao gồm truyền dẫn, phát xạ hoặc thu sóng vô tuyến điện cho những mục đích viễn thông cụ thể.

1.3.7/ Nghiệp vụ cố định: Là nghiệp vụ thông tin vô tuyến giữa các điểm cố định đã xác định trước.

1.3.8/ Nghiệp vụ lưu động: Là nghiệp vụ thông tin vô tuyến giữa các đài lưu động và các đài mặt đất, hoặc giữa các đài lưu động với nhau.

1.3.9/ Nghiệp vụ lưu động hàng hải: Là nghiệp vụ lưu động giữa các đài duyên hải và các đài tàu biển, hoặc giữa các đài tàu biển với nhau, hoặc giữa các đài thông tin trên boong tàu. Các đài tàu cứu nạn và các pha vô tuyến báo vị trí khẩn cấp cũng có thể tham gia nghiệp vụ này.

1.3.10/ Nghiệp vụ lưu động hàng không: Là nghiệp vụ lưu động giữa các đài hàng không và các đài trên máy bay với nhau, trong đó có cả các đài cứu nạn; các pha vô tuyến đánh dấu vị trí khẩn cấp cũng có thể tham gia nghiệp vụ này trên các tần số cấp cứu và khẩn cấp.

1.3.11/ Nghiệp vụ thông tin quảng bá: Là nghiệp vụ thông tin vô tuyến trong đó sự phát sóng dành cho toàn thể công chúng thu trực tiếp. Nghiệp vụ này bao gồm phát thanh, phát hình, hoặc các loại phát xạ khác.

1.3.12/ Nghiệp vụ vô tuyến điện nghiệp dư: Là nghiệp vụ thông tin vô tuyến nhằm mục đích tự đào tạo, trao đổi thông tin, nghiên cứu kỹ thuật do những người chơi vô tuyến điện nghiệp dư thực hiện. Những người này chỉ quan tâm đến kỹ thuật vô tuyến vì sở thích cá nhân chứ không vì mục đích tiền tài và đã được các cơ quan có thẩm quyền cho phép.

1.3.13/ Đài: Một hay nhiều thiết bị phát sóng vô tuyến điện hay thiết bị thu sóng vô tuyến điện hoặc tổ hợp các thiết bị thu phát sóng vô tuyến điện kể cả thiết bị phụ kèm theo tại một vị trí để tiến hành một nghiệp vụ thông tin vô tuyến điện hoặc một nghiệp vụ vô tuyến thiên văn. Mỗi một đài sẽ được phân loại bởi nghiệp vụ mà nó hoạt động thường xuyên hoặc tạm thời.

1.3.14/ Đài cố định: Một đài thuộc nghiệp vụ cố định.

1.3.5/ Đài lưu động: Một đài thuộc nghiệp vụ lưu động sử dụng lúc chuyển động hoặc tạm dừng ở những điểm không định trước.

1.3.16/ Đài hàng không: Một đài mặt đất thuộc nghiệp vụ lưu động hàng không. Trong một số trường hợp một đài hàng không có thể được đặt trên boong tàu biển hoặc trên một hạm đội trên biển.

1.3.17/ Đài máy bay: Một đài lưu động đặt trên máy bay thuộc nghiệp vụ lưu động hàng không, không kể đài máy bay cứu nạn.

1.3.18/ Đài quảng bá: Một đài thuộc nghiệp vụ quảng bá.

1.3.19/ Đài nghiệp dư: Một đài thuộc nghiệp vụ vô tuyến điện nghiệp dư.

1.3.20/ Đài tàu biển : Là đài vô tuyến điện thuộc nghiệp vụ lưu động hàng hải đặt trên tàu thuyền hoặc phương tiện nghề cá của các tổ chức, cá nhân hoạt động trên vùng biển Việt Nam hoặc Quốc tế, được quy định tại Nghị định 91/CP của Chính phủ ban hành ngày 23/8/1997.

1.3.21/ Đài vô tuyến điện đặt trên các phương tiện nghề cá: Là các đài vô tuyến điện đặt trên các tàu, thuyền và các phương tiện di động, không di động trên biển dùng để

khai thác, chế biến, nuôi trồng thủy sản, dịch vụ hậu cần, thu gom hàng thủy sản, điều tra thăm dò và kiểm tra, kiểm soát bảo vệ nguồn lợi thủy sản quy định tại Nghị định 72/1998/NĐ-CP của Chính phủ ban hành ngày 15/9/1998.

1.3.22/ Điện thoại không dây (Loại kéo dài thuê bao): Là thiết bị thu/phát bao gồm hai phần liên lạc với nhau bằng sóng vô tuyến điện:

- Phần 1 (máy mẹ): Là phần đặt cố định, được đấu nối với một mạng điện thoại;
- Phần 2 (máy con): Là phần có thể được đặt cố định hoặc mang đi lưu động, có cùng số điện thoại với máy mẹ.

1.4- Việc ấn định tần số, cấp phép và sử dụng phổ tần số vô tuyến điện phải đúng nghiệp vụ được phân bổ theo Quy hoạch phổ tần số vô tuyến điện của Việt Nam cho các nghiệp vụ đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 85/1998/QĐ- TTg ngày 16/4/1998.

1.5- Các thiết bị phát sóng vô tuyến điện nhập vào Việt Nam phải có chứng nhận hợp chuẩn và giấy phép nhập khẩu của Tổng cục Bưu điện.

1.6- Các thiết bị phát sóng vô tuyến điện thuộc các mạng thông tin vô tuyến điện phải cấp giấy phép thiết lập mạng, ngoài giấy phép sử dụng tần số và thiết bị phát sóng vô tuyến điện phải có giấy phép thiết lập mạng thông tin vô tuyến điện do Tổng cục Bưu điện cấp (theo qui định tại Thông tư số 04/1998/TT-TCBD ngày 29/9/1998 hướng dẫn thi hành Nghị định 109/1997/NĐ-CP của Chính phủ về mạng lưới và dịch vụ viễn thông).

1.7- Các đài tàu biển phải được Tổng cục Bưu điện kiểm tra kỹ thuật, nghiệp vụ thiết bị vô tuyến điện đài tàu khi cấp giấy phép.

1.8- Các thiết bị dùng trong khoa học, công nghiệp, y tế có phát xạ vô tuyến điện phải tuân theo các quy định về tương thích điện từ trường hoặc quy định về chống nhiễu của Tổng cục Bưu điện.

1.9- Tổng cục Bưu điện thỏa thuận tần số sử dụng của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an.

1.10- Các tổ chức, cá nhân được cấp giấy phép sử dụng tần số, thiết bị phát sóng vô tuyến điện phải trả phí cấp và sử dụng tần số theo Quyết định 158/CT ngày

18/5/1991 của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng (nay là Thủ tướng Chính phủ) và qui định của Bộ Tài chính.

Tổng cục Bưu điện (Cục Tần số VTĐ) tổ chức việc thu nộp phí tần số đối với tất cả các giấy phép sử dụng tần số và thiết bị phát sóng vô tuyến điện.

II. QUI ĐỊNH VỀ CẤP GIẤY PHÉP SỬ DỤNG TẦN SỐ, THIẾT BỊ PHÁT SÓNG VÔ TUYẾN ĐIỆN CHO CÁC NGHIỆP VỤ

2.1- Các loại giấy phép:

2.1.1/ Tổng cục Bưu điện là cơ quan cấp giấy phép tần số vô tuyến điện cho các đối tượng sử dụng nêu tại điểm 1.2 trong Thông tư này, gồm:

- + Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị phát sóng vô tuyến điện;
- + Các loại giấy phép tần số vô tuyến điện khác (giấy phép phổ tần, giấy phép chủng loại thiết bị,...).

2.1.2/ Đối với giấy phép sử dụng tần số và thiết bị phát sóng vô tuyến điện Tổng cục Bưu điện qui định trình tự, thủ tục cấp mới giấy phép, gia hạn giấy phép và cấp lại giấy phép khi có thay đổi bổ sung.

Đối với các loại giấy phép tần số vô tuyến điện khác Tổng cục Bưu điện sẽ có qui định riêng.

2.2- Trách nhiệm các đơn vị thuộc Tổng cục Bưu điện:

2.2.1/ Cục Tần số VTĐ có nhiệm vụ cấp mới, gia hạn, cấp lại tất cả các loại giấy phép tần số vô tuyến điện dùng trong các nghiệp vụ thông tin vô tuyến điện.

2.2.2/ Tổng cục Bưu điện, các Cục Bưu điện Khu vực có nhiệm vụ cấp mới, gia hạn, cấp lại giấy phép thiết lập mạng thông tin vô tuyến điện thuộc loại phải cấp giấy phép thiết lập mạng theo sự phân cấp trong Thông tư 04/1998/TT-TCBĐ.

2.3- Thủ tục cấp phép

2.3.1- Cấp mới giấy phép sử dụng tần số và thiết bị phát sóng vô tuyến điện dùng trong các nghiệp vụ thông tin vô tuyến điện thuộc loại không phải cấp giấy phép thiết lập mạng gồm các đài tàu biển, tàu bay, phương tiện nghề cá; các đài thuộc nghiệp vụ quảng bá; các đài thuộc nghiệp vụ hàng hải, hàng không hoạt động theo qui ước